HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15 /2020/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 27 tháng11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh,
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo PY, Đài PT-THPY;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên cho các sở, ngành và địa phương, giai đoạn 2021-2025

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 và Điều 4, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do tỉnh Phú Yên quản lý giai đoạn 2021-2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025; Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Các Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, địa phương... bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế - xã hội với an ninh quốc phòng.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách địa phương; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng của tỉnh, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng,…), bảo đảm an ninh nguồn nước.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, đồng bộ với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2030, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong tỉnh.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án

theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

e) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật quy hoạch;

g) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

h) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II

NGUYÊN TẮC PHÂN BỔ ĐỐI VỚI CÁC NGUỒN VỐN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Điều 5. Nguyên tắc phân bổ nguồn vốn của Trung ương do địa phương quản lý

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương: Thực hiện theo Điều 8, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 và Điều 7, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg.

2. Nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: Thực hiện theo nguyên tắc phân bổ của Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 của Trung ương.

3. Nguồn vốn ODA và nguồn vốn vay ưu đãi Trung ương cấp phát, nguồn vốn vay khác (nếu có): Phân bổ nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi, nguồn vốn đối ứng trung ương cấp phát theo Hiệp định đối với các dự án đang triển khai, các dự án chuyển tiếp, các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư. Phân bổ theo kế hoạch của trung ương. Thực hiện theo cam kết và các quy định hiện hành.

Điều 6. Nguyên tắc phân bổ nguồn ngân sách địa phương

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 và các nguyên tắc quy định tại Điều 4, Nghị quyết này.

1. Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí ngân sách địa phương, giai đoạn 2021-2025

1.1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư

a) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển ở các địa phương, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

b) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phân bổ vốn phải đảm bảo đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

1.2. Tỷ lệ phân bổ

Trong giai đoạn 2021-2025 vốn đầu tư công trong cân đối theo tiêu chí ngân sách địa phương được định hướng tính trên tốc độ tăng bình quân 5- 6%; Riêng năm 2021 sẽ được tính trên cơ sở kết quả thực hiện dự toán ngân sách năm 2019 và ước thực hiện năm 2020.

Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tập trung được Trung ương cân đối cho tỉnh, sau dành lại 10% dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn, mức vốn còn lại được phân bổ như sau:

a) Phân bổ 60% để thực hiện các nhiệm vụ đầu tư thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo các lĩnh vực được quy định tại Điều 7, Nghị quyết này.

b) Phân bổ 40% cho cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ chi thuộc các lĩnh vực, dự án được quy định tại Điều 7, Nghị quyết này. Phân bổ giữa các huyện, thị xã, thành phố theo tiêu chí, định mức quy định tại Điều 8, Điều 9, Nghị quyết này.

2. Nguồn vốn đầu tư công từ xổ số kiến thiết

Sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết chi cho đầu tư phát triển. Trong đó, đảm bảo bố trí tối thiểu 60% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế và an sinh xã hội; tối thiểu 10% dự toán thu từ hoạt động xổ số kiến thiết để bổ sung vốn cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

Sau khi bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

3. Nguồn vốn đầu tư công từ thu tiền sử dụng đất

a. Đối nguồn thu tiền sử dụng đất khối tỉnh quản lý: Sau khi trừ 10% số thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại cho đầu tư phát triển được phân bổ chủ yếu để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng; thực hiện công tác quy hoạch, Chương trình mục tiêu quốc gia.

b. Đối nguồn thu tiền sử dụng đất khối huyện quản lý: do Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật.

4. Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư phát triển (nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước, nguồn bổ sung khác - nếu có)

Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước; đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển, Uỷ ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình báo cáo Thường trực Hội đồng Nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng Nhân dân tại kỳ họp gần nhất. Ưu tiên bố trí vốn tăng thu, tiết kiệm chi để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi các khoản vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương; sau đó mới được phép sử dụng số tăng thu còn lại để bố trí cho các dự án quan trọng, dự án cấp bách, các dự án phòng chống thiên tai.

Chương III

NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ GIỮA CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN

Điều 7. Nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ đầu tư giữa cấp tỉnh và cấp huyện

1. Nhiệm vụ đầu tư cấp tỉnh

a) Giao thông: Đường tỉnh và quy hoạch đường tỉnh, các công trình giao thông nhóm B trở lên mang tính chất tạo động lực phát triển cho huyện và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; dự án nhóm C có tính liên huyện.

b) Hạ tầng kỹ thuật: Hạ tầng khu kinh tế Nam Phú Yên; khu công nghiệp; kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu; Trung tâm hội chợ triển lãm. Hạ tầng các khu tái định cư do cơ quan cấp tỉnh làm chủ đầu tư. Hạ tầng kỹ thuật đô thị thuộc nhiệm vụ đầu tư cấp tỉnh theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh Phú Yên V/v Ban hành quy định về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

c) Nông nghiệp, thủy lợi: Công trình thủy lợi có quy mô nhóm B trở lên; các công trình thủy nông do Công ty thủy nông Đồng Cam quản lý không thuộc nhiệm vụ chi của nguồn vốn sự nghiệp kinh tế; Công trình đê, kè biển; Công trình kè sông nhóm B trở lên. Cơ sở giống nông nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do cấp tỉnh quản lý.

d) Trụ sở làm việc của cơ quan quản lý nhà nước: Trụ sở làm việc của các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các Sở, ban, ngành và cấp tương đương do cấp tỉnh quản lý.

đ) Giáo dục đào tạo và dạy nghề: Trường Đại học Phú Yên; Trường cao đẳng; trung cấp; Trường Chính trị tỉnh; Trường trung học phổ thông; Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Hỗ trợ đầu tư trường thuộc nhiệm vụ chi cấp huyện theo quyết định của cấp thẩm quyền.

e) Các lĩnh vực lao động, xã hội: Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, bảo trợ xã hội, hỗ trợ việc làm, nghĩa trang liệt sỹ, các dự án khác do cấp tỉnh quản lý.

g) Văn hóa, thể thao, du lịch: Thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh.

h) Khoa học công nghệ, thông tin truyền thông: Hạ tầng khoa học công nghệ cấp tỉnh. Trang thiết bị, cơ sở vật chất Đài phát thanh truyền hình tỉnh. Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cơ quan Đảng, chính quyền thuộc cấp tỉnh quản lý. Chính quyền điện tử.

i) Y tế: Bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện, các trung tâm chuyên khoa, trạm y tế cấp xã.

k) Quốc phòng - An ninh: Dự án hỗ trợ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

l) Các nhiệm vụ, dự án cấp bách, các dự án theo kết luận của Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nhiệm vụ đầu tư cấp huyện: Do cấp huyện quyết định trên cơ sở các ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 của Quyết định 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền quản lý cấp huyện. Ngoài ra, khuyến khích đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền cấp tỉnh được quy định tại Khoản 1, Điều này.

3. Đối với các lĩnh vực chưa được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này, nếu dự án thuộc thẩm quyền quản lý của cấp nào thì cấp đó có trách nhiệm đầu tư theo quy định.

4. Trong giai đoạn 2021-2025, tùy vào nguồn cân đối ngân sách tỉnh, UBND tỉnh quyết định hỗ trợ có mục tiêu một số chương trình, dự án có tính cấp bách do ảnh hưởng của thiên tại, dịch bệnh; các dự án phòng chống lụt bão, hạn hán; các chương trình, dự án phát triển có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương; các chương trình, dự án phục vụ an sinh-xã hội, phúc lợi xã hội do các huyện, thị xã, thành phố quản lý. UBND tỉnh báo cáo và xin ý kiến HĐND tỉnh để quyết định.

5. Các trường hợp đặc biệt khác, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Chương IV

TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Điều 8. Tiêu chí và xác định điểm số từng tiêu chí để phân bổ vốn phân cấp cho ngân sách cấp huyện

1. Tiêu chí dân số, gồm 02 tiêu chí: Số dân trung bình của các huyện, thị xã, thành phố và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thị xã, thành phố.

- Dân số của các huyện, thị xã, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu Niên giám thống kê năm 2019 được công bố của Cục Thống kê tỉnh Phú Yên.

- Số người dân tộc thiểu số lấy theo số liệu báo cáo Tổng điều tra dân số nhà ở 4/2019 của Tổng Cục Thống kê.

a) Điểm của tiêu chí dân số trung bình:

Dân số trung bình	Điểm
Các địa phương có dân số trung bình dưới 50.000 người	10
Các địa phương có dân số trung bình trên 500.000 đến 100.000 người, từ 0 đến 50.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính	2
Các địa phương có dân số trung bình trên 100.000 đến 200.000 người, từ 0 đến 100.000 người được tính 20 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính	1
Các địa phương có dân số trung bình trên 200.000 người, từ 0 đến 200.000 người được tính 30 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính	0,5

b) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

Số dân người đồng bào DTTS	Điểm
Cứ 500 người dân tộc thiểu số được	0,5

2. Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 02 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo và số thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất).

- Tiêu chí hộ nghèo theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên, về việc phê duyệt kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019.

- Số thu nội địa căn cứ trên số thu ngân sách năm 2020 được UBND tỉnh giao kế hoạch tại Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 6/12/2019.

a) Điểm của tiêu chí hộ nghèo:

Tỉ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo.	1

b) Điểm của tiêu chí thu nội địa:

Thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất)	Điểm
Địa phương có số thu từ 0 đến 30 tỷ đồng	4
Địa phương có số thu trên 30 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	3
Địa phương có số thu trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	2
Địa phương có số thu trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng	1
Địa phương có số thu trên 200 tỷ đồng	0,5

3. Tiêu chí về diện tích, gồm 02 tiêu chí: Diện tích đất tự nhiên và tỉ lệ che phủ rừng.

- Diện tích tự nhiên của các huyện, thị xã, thành phố được lấy theo Niên giám thống kê năm 2019 do Cục Thống kê công bố.

- Tỉ lệ che phủ rừng căn cứ theo Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày13/4/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả diễn biến rừng và công bố hiện trạng rừng tỉnh Phú Yên năm 2019.

a) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Số điểm của tiêu chí này được tính như sau:

Diện tích tự nhiên	**Điểm**
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên đến 200 km^2	8
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 200 km^2 đến 500 km^2, từ 0 đến 200km^2 được tính là 8 điểm, phần còn lại cứ 100 km^2 tăng thêm được tính	4
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 500 km2 đến 1.000 km^2, từ 0 đến 500km^2 được tính là 20 điểm, phần còn lại cứ 100 km^2 tăng thêm được tính	2
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 1.000 km^2, từ 0 đến 1.000km^2 được tính là 30 điểm, phần còn lại cứ 100 km^2 tăng thêm được tính	0,5

b) Điểm số về tỉ lệ che phủ rừng:

Tỷ lệ che phủ rừng	**Điểm**
Đến 10%	0,5
Trên 10% đến 40%	1
Từ 40% trở lên	2

4. Tiêu chí về đơn vị hành chính: Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; số xã, thị trấn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (khu vực I, khu vực II, khu vực III); số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển của từng huyện, thị xã, thành phố.

- Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn căn cứ theo Niên giám thống kê 2019 do Cục Thống kê tỉnh công bố.

- Số xã, thị trấn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (khu vực I, khu vực II, khu vực III) căn cứ theo Quyết định số 582/QĐ – TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, Khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020;

- Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển căn cứ theo Quyết định số 131/QĐ – TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 – 2020.

a) Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn:

Đơn vị hành chính	**Điểm**
Cứ 01 xã, phường, thị trấn	0,5

b) Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (khu vực I, khu vực II, khu vực III):

Đơn vị hành chính	**Điểm**
Cứ mỗi đơn vị hành chính thuộc xã khu vực III	0,25
Cứ mỗi đơn vị hành chính thuộc xã khu vực II	0,18
Cứ mỗi đơn vị hành chính thuộc xã khu vực I	0,14

c) Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo:

Đơn vị hành chính	**Điểm**
Cứ mỗi đơn vị hành chính thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển	0,2

5. Tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị (Tiêu chí bổ sung), bao gồm: Tiêu chí thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh; Tiêu chí đô thị loại 2, loại 3, loại 4, loại 5. Đô thị loại cao hơn thì tính điểm nhiều hơn.

Phân loại đô thị căn cứ Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên năm 2019.

a) Điểm tiêu chí thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

- Thành phố Tuy Hòa: 25 điểm.
- Thị xã Sông Cầu: 20 điểm.
- Thị xã Đông Hòa: 20 điểm.

b) Tiêu chí đô thị loại 2, 3, 4, 5:

- Đô thị loại 2 (thành phố Tuy hòa): 30 điểm.
- Đô thị loại 3 (thị xã Sông Cầu): 25 điểm.
- Đô thị loại 4 (thị xã Đông Hòa): 20 điểm.
- Đô thị loại 5 (thị trấn Trung tâm huyện lỵ): 15 điểm.

Điều 9. Phương pháp tính định mức vốn phân bổ

1. Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố và tổng số điểm của 09 huyện, thị xã, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

a) Điểm của tiêu chí dân số:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí dân số của huyện thứ i là A_i

- Gọi số điểm của dân số trung bình của huyện thứ i là h_i

- Gọi số điểm của số người dân tộc thiểu số của huyện thứ i là k_i

Thì điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là: $A_i = h_i + k_i$

b) Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i

- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của huyện thứ i là l_i

- Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất) của huyện thứ i là m_i

Thì điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là: $B_i = l_i + m_i$

c) Điểm của tiêu chí diện tích:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên của huyện thứ i là n_i

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của huyện thứ i là o_i

Thì điểm của tiêu chí diện tích của huyện thứ i là sẽ là: $C_i = n_i + o_i$

d) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i là D_i

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn huyện thứ i là p_i

- Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (khu vực I, khu vực II, khu vực III) của huyện thứ i là q_i

- Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo của huyện thứ i là r_i

Thì điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn huyện thứ i sẽ là:

$D_i = p_i + q_i + r_i$

đ) Điểm của tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị là E_i

- Gọi số điểm của tiêu chí thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là s_i

- Gọi số điểm của tiêu chí đô thị là t_i

Thì tổng số điểm của tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị sẽ là: $E_i = s_i + t_i$

e) Tổng số điểm của huyện thứ i là H_i, ta có:

$H_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E_i$

g) Tổng số điểm của 09 huyện, thị xã, thành phố là Q, ta có:

$$Q = \sum_{i=1}^{9} Hi$$

2. Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng vốn trong cân đối ngân sách tập trung tỉnh dự kiến phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố.

Gọi G là số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, ta có: $G = \frac{K}{Q}$

3. Tổng số vốn trong cân đối ngân sách tập trung của từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

Gọi X_i là số vốn trong cân đối tập trung của huyện thứ i: $X_i = G \times H_i$

Điều 10. Mức vốn phân bổ cụ thể của từng huyện, thị xã, thành phố

Ủy ban nhân dân tỉnh tính toán, thông báo điểm số và căn cứ nguồn lực Trung ương để thông báo dự kiến mức vốn phân bổ của từng huyện, thị xã, thành phố trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, thời kỳ ổn định ngân sách, giai đoạn 2021-2025.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công sẽ ổn định trong thời gian 5 năm, là căn cứ để các Sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện xác định nguồn lực, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước trong, giai đoạn 2021-2025.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án trong phương án bố trí vốn đầu tư trung hạn và hàng năm phù hợp với khả năng cân đối vốn và định hướng ưu tiên phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh và địa phương mình.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các dự án chưa hoàn thành, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020 nguồn ngân sách nhà nước nhưng chưa được bố trí vốn

hằng năm để thực hiện, các sở, ngành và địa phương tiếp tục bố trí vốn ngân sách nhà nước để hoàn thành theo tiến độ bố trí vốn đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đối với các dự án dự kiến đầu tư nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020 nguồn ngân sách nhà nước, trong trường hợp các sở, ngành và địa phương dự kiến tiếp tục bố trí trong kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước của đơn vị mình thực hiện theo quy định tại Điều 101 của Luật Đầu tư công.

3. Các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn chuyển tiếp sang, giai đoạn 2021-2025 tùy theo tính chất, mục tiêu của dự án được sắp xếp vào 13 ngành, lĩnh vực theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Cao Thị Hòa An